

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ- ST

Ngày 18/06/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2. Ông Từ Tứ Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 18 tháng 06 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2020 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K 10B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Anh Trần Quang H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K 4B, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị Y trình bày: Tôi và anh Trần Quang H chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/8/2017. Trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc sau đó đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Do đó tôi đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ở ấp K 10B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang từ đó đến nay. Tôi có khuyên chồng tôi nhiều lần nhưng chồng tôi không nghe. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2020 đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2018, cháu N hiện nay đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Y yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Trần Quang H.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi cháu Trần Bảo N, tôi yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Quang H trình bày:** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/6/2020 của anh H trình bày: Qua lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng, năm kết hôn, có tổ chức đám cưới, có 01 con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì tôi và cô Y có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, tôi vẫn còn thương vợ, thương con nên tôi không đồng ý ly hôn.

Tại Tòa án anh H yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Phạm Thị Y.

Về quan hệ con chung: Tôi xin được nhận nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Trần Quang H với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Trần Quang H, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị Y về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Trần Quang H là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh H hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là anh H có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Do đó chị Y đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ở ấp K 10B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang từ đó đến nay. Chị Y có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh H không nghe. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị Y xin được ly hôn với anh H được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị Y xin nhận nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2018. Xét thấy giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Trần Bảo N hiện nay mới chỉ 19 tháng tuổi, cháu còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và từ lúc chị Y và anh H sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay thì cháu N luôn được chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Trần Bảo N cho chị Y trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] Xét yêu cầu của chị Y yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Hiện nay cho thấy anh H đang làm Kỹ thuật điện lạnh tại cửa hàng Camera – Vi tính – Máy in Long Tứ và có thu nhập ổn định là 8.000.000đ/01 tháng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy anh H cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đ/01 tháng là phù hợp với thực tế. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh H cấp dưỡng cho cháu Trần Bảo N số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Trần Bảo N đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật, thời gian bắt đầu anh H cấp dưỡng cho cháu Trần Bảo N kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Trần Quang H về quan hệ hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Y là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh H hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là anh H có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Do đó chị Y đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ở ấp K 10B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang từ đó đến nay. Chị Y có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh H không nghe. Từ đó chị Y và anh H bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa chị Y và anh H tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Trần Quang H.

[7] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Trần Quang H về quan hệ con chung: Anh H không đồng ý giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2018 cho chị Y nuôi dưỡng, anh H xin được nhận nuôi cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2018, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Trần Bảo N hiện nay mới chỉ 19 tháng tuổi, cháu còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và từ lúc chị Y và anh H sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay thì cháu N luôn được chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Trần Bảo N cho chị Y trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tối lui thăm nom con chung.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của anh Trần Quang H.

[8] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị Y và anh H không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** chị Y phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000500 ngày 06/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Y đã nộp đủ.

[10] **Về án phí cấp dưỡng:** áp dụng điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trần Quang H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Y và anh Trần Quang H được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2018 cho chị Phạm Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tối lui thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Quang H cấp dưỡng cho cháu Trần Bảo N số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Trần Bảo N đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu anh H cấp dưỡng cho cháu Trần Bảo N kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Y nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000500 ngày 06/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Y đã nộp đủ.

4. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Trần Quang H nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Phạm Thị Y biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Trần Quang H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật